

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 09 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Thông tư này hướng dẫn cơ chế kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước từ các nguồn:

a) Nguồn Ngân sách nhà nước (NSNN);

b) Nguồn phí được để lại theo chế độ quy định và các nguồn từ khoản thu hợp pháp khác của cơ quan nhà nước;

c) Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, dịch vụ y tế dự phòng, học phí của đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) và nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP).

1.2. Thông tư này không hướng dẫn đối với các khoản chi của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các khoản chi có cơ chế hướng dẫn riêng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân giao dịch với hệ thống Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Cơ quan tài chính các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước



1. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật NSNN số 83/2015/QH13, cụ thể:

1.1. Chi NSNN chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật NSNN; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi, số dư tài khoản của đơn vị còn đủ để chi.

1.2. Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ chi và các hồ sơ kèm theo chứng từ chi thuộc thủ tục hành chính gửi Kho bạc Nhà nước được quy định tại các Nghị định của Chính phủ. Trường hợp chứng từ chi và các hồ sơ kèm theo chứng từ chi đơn vị sử dụng ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước cố tình giả mạo, thay thế nội dung, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đối với các hồ sơ không thuộc thủ tục hành chính gửi Kho bạc Nhà nước được quy định tại các Nghị định của Chính phủ, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm kiểm soát nội dung thanh toán, hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Kho bạc Nhà nước kiểm soát định mức (mức chi) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ thì kiểm soát đảm bảo theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ.

2. Các khoản chi thực hiện theo nguyên tắc tạm ứng thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước (Nghị định số 163/2016/NĐ-CP).

3. Các khoản chi tạm ứng và thanh toán bằng tiền mặt phải được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý thu chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp các khoản chi NSNN thực hiện bằng hình thức giao dịch điện tử qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, việc kiểm soát, thanh toán của Kho bạc Nhà nước phải tuân thủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước tại: Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước (Nghị định số 11/2020/NĐ-CP); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 87/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.



Điều 3. Hình thức kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước theo các hình thức sau:

1. Thanh toán trước, kiểm soát sau:

1.1. Thanh toán trước, kiểm soát sau là hình thức thanh toán áp dụng đối với từng lần thanh toán của các hợp đồng thanh toán nhiều lần, trừ lần thanh toán cuối cùng. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc; đồng thời, gửi 01 chứng từ báo nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán, gửi 01 chứng từ báo có cho đơn vị (nếu đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước).

1.2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định.

1.3. Trường hợp sau khi kiểm soát phát hiện khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo kết quả kiểm soát chi (theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này) gửi đơn vị sử dụng ngân sách; sau đó thực hiện xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo, trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng hoàn thành/dự toán để giảm trừ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Thông tư này.

2. Kiểm soát trước, thanh toán sau:

Kiểm soát trước, thanh toán sau là hình thức thanh toán áp dụng đối với tất cả các khoản chi, trong đó, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

Điều 4. Thu hồi giảm chi hoặc thu hồi nộp NSNN

1. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước Giấy nộp trả kinh phí (theo mẫu C2-05a/NS) ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP để nộp trả kinh phí theo đúng quy định.

Trường hợp khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi của nhà nước theo kết luận, kiến nghị của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị sử dụng ngân sách hoặc Kho bạc Nhà nước phát hiện sau khi kiểm soát, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thực hiện nộp trả NSNN.

2. Kho bạc Nhà nước thực hiện: Thu hồi giảm chi NSNN (trường hợp chưa quyết toán ngân sách) hoặc thu hồi nộp NSNN (trường hợp đã quyết toán ngân sách); thực hiện hạch toán kế toán theo đúng quy định.



Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước

1. Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Điều 2 Thông tư này và kiểm soát các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Trường hợp giao dịch trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước, dấu và chữ ký trên chứng từ chuyển tiền khớp đúng với mẫu dấu và mẫu chữ ký đăng ký giao dịch tại Kho bạc Nhà nước; Trường hợp thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, việc ký số trên các chứng từ chuyển tiền phải đúng họ tên, chức danh các thành viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đã thực hiện đăng ký với Kho bạc Nhà nước.

Nội dung và số tiền, hạch toán kế toán tại chứng từ chuyển tiền phù hợp với các hồ sơ có liên quan kèm theo.

1.2. Nội dung chi phải phù hợp với mã nội dung kinh tế theo quy định của Mục lục NSNN hiện hành (không bao gồm các khoản chi từ Tài khoản tiền gửi).

1.3. Mức tạm ứng đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 6 Thông tư này. Nội dung đề nghị thanh toán tạm ứng phải phù hợp với nội dung đề nghị tạm ứng. Trường hợp đơn vị chưa xác định được chính xác nội dung chi, thực hiện tạm ứng vào tiêu mục khác của mục tương ứng với khoản chi, Kho bạc Nhà nước thanh toán tạm ứng trong phạm vi các tiêu mục trong cùng nhóm mục tương ứng với nội dung đã tạm ứng.

1.4. Đối với các khoản chi phải gửi Hợp đồng đến Kho bạc Nhà nước (khoản chi có giá trị hợp đồng trên 50 triệu đồng), Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị sử dụng ngân sách, các điều khoản thanh toán, tạm ứng được quy định trong hợp đồng và tổng giá trị Hợp đồng để tạm ứng, thanh toán cho đối tượng thụ hưởng.

Trường hợp hợp đồng có quy định phải bảo lãnh tạm ứng, Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi đơn vị sử dụng ngân sách thu hồi hết số tiền tạm ứng, khi bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn nhưng đơn vị sử dụng ngân sách chưa thanh toán hết số tiền tạm ứng, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm đôn đốc đơn vị sử dụng ngân sách phối hợp với nhà thầu làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng hoặc thanh toán tạm ứng theo quy định.

1.5. Kiểm soát đối với Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Mẫu số 08a ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 11/2020/NĐ-CP:

a) Đối với khoản chi mua sắm hàng hóa:

Kho bạc Nhà nước kiểm soát nội dung công việc, đơn vị tính, số lượng, đơn giá đảm bảo theo đúng quy định của hợp đồng, không vượt giá trị hợp đồng. Riêng đối với chi mua thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư y tế sử dụng trong quá trình điều trị khám chữa bệnh thực hiện theo quy định tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 Điều này.

b) Đối với khoản chi dịch vụ:

Đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ nội dung Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu để lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành gửi Kho bạc Nhà nước cho phù hợp, đảm bảo thể hiện đúng nội dung công việc và giá trị thanh toán theo hợp đồng để Kho bạc Nhà nước có cơ sở kiểm soát, thanh toán. Kho bạc Nhà nước kiểm soát nội dung công việc và giá trị thanh toán (đơn vị tính, số lượng, đơn giá nếu có) đảm bảo theo đúng quy định của hợp đồng, không vượt giá trị hợp đồng.

1.6. Kiểm soát đối với Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 11/2020/NĐ-CP:

Đơn vị kê khai theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, trong đó lưu ý: Chứng từ chi tại đơn vị là các chứng từ được quy định theo hệ thống chứng từ tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Kho bạc Nhà nước kiểm soát Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng đảm bảo mã nội dung kinh tế khớp đúng với Giấy rút dự toán, nội dung thanh toán, tổng số tiền phù hợp với Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi và không vượt định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.7. Đối với các khoản chi có yêu cầu bảo mật:

Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm trong việc xác định nội dung chi thuộc yêu cầu bảo mật và việc kiểm soát nội dung thanh toán, hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của pháp luật. Trên Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi đơn vị sử dụng ngân sách ghi nội dung thanh toán và nội dung sau: "Khoản chi có yêu cầu bảo mật". Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi để thanh toán theo đề nghị của đơn vị.

1.8. Trường hợp phải thực hiện mua sắm theo phương thức tập trung: Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo: Có trong danh mục mua sắm tập trung được cấp có thẩm quyền ban hành (theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15), đảm bảo hợp đồng phù hợp với Thỏa thuận khung (thỏa thuận khung được đơn vị mua sắm tập trung đăng tải theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 77 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công).

2. Ngoài các nội dung kiểm soát nêu tại khoản 1 Điều này, đối với một số nội dung chi cụ thể Kho bạc Nhà nước kiểm soát như sau:

2.1. Đối với các khoản chi lương và phụ cấp theo lương (các khoản phụ cấp theo lương theo hệ thống mục lục ngân sách hiện hành); tiền công lao động theo hợp đồng; tiền thu nhập tăng thêm, chi hỗ trợ, trợ cấp, phụ cấp khác, khoản, khen thưởng:

a) Kho bạc nhà nước kiểm soát đảm bảo không vượt chi tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không vượt số lượng lao động hợp đồng, theo đúng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; không vượt số lượng tại Văn bản phê duyệt số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của hội đồng nhân dân cấp tỉnh và ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Trong trường hợp đầu năm chưa có văn bản phê duyệt chi tiêu biên chế của cấp có thẩm quyền thì Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát căn cứ vào văn bản giao chi tiêu biên chế của cấp có thẩm quyền năm trước liền kề và văn bản đề nghị, cam kết của đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp có sự thay đổi so với tháng trước về chi tiêu, biên chế, đơn vị ghi rõ tại phần thuyết minh – Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

b) Kiểm tra, đảm bảo khớp đúng giữa chi tiết và tổng số; khớp đúng tổng số tiền trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng với Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi đã được thủ trưởng đơn vị ký duyệt.

c) Đối với khoản chi thu nhập tăng thêm:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

- Đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ: Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước (Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV).

d) Đối với chi hỗ trợ, trợ cấp, phụ cấp khác, khoản, khen thưởng:

- Trường hợp chi hỗ trợ, trợ cấp, phụ cấp khác (không bao gồm các khoản phụ cấp theo lương theo hệ thống mục lục ngân sách hiện hành), khoản, khen thưởng được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị:

Kho bạc Nhà nước kiểm tra Chứng từ chuyển tiền; Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng (trường hợp chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng NSNN không thể hiện được hết nội dung chi, số lượng, định mức, đơn giá thực tế đối với những khoản chi có quy định định mức tại Quy chế chi tiêu nội bộ, văn bản quy phạm pháp luật) và Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng đảm bảo không vượt định mức đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Riêng đối với chi trợ cấp, phụ cấp cho người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện theo quy định tại tiết a điểm 2.3 khoản 2 Điều này.

- Trường hợp chi hỗ trợ, trợ cấp, phụ cấp khác theo Quyết định của cấp có thẩm quyền:

Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo không vượt Dự toán được cấp thẩm quyền giao; kiểm soát Chứng từ chuyển tiền; Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng (trường hợp chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng NSNN không thể hiện được hết nội dung chi, số lượng, định mức, đơn giá thực tế đối với những khoản chi có quy định định mức tại Quyết định của cấp có thẩm quyền) và Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng đảm bảo không vượt định mức quy định tại quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.2. Đối với chi mua sắm:

a) Đối với chi mua sắm tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị:

- Trường hợp không thực hiện mua sắm theo phương thức tập trung:

+ Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo không vượt đơn giá tối đa theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 09 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (Nghị định số 72/2023/NĐ-CP); Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Nghị định số 85/2018/NĐ-CP); Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg); và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

+ Đối với tài sản chuyên dùng: Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo có trong danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại) tại Văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cấp có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp phải thực hiện mua sắm theo phương thức tập trung:

Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị sử dụng ngân sách, các điều khoản được quy định trong hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (theo Mẫu số 06/TSC-MSTT kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) để kiểm soát đảm bảo: Tên tài sản, đơn vị tính, số lượng, giá mua theo đúng quy định của hợp đồng, không vượt giá trị hợp đồng và đơn giá tối đa theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; Nghị định số 85/2018/NĐ-CP; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg; và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

+ Đối với tài sản chuyên dùng: Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo có trong danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại) tại Văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với chi mua thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư y tế sử dụng trong quá trình điều trị khám chữa bệnh (không bao gồm mua sắm máy móc, thiết bị; xe ô tô và phương tiện vận tải khác được quy định tại tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều này):

Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị sử dụng ngân sách, các điều khoản được quy định trong hợp đồng, thực hiện kiểm soát tổng số tiền của các hóa đơn kê khai trên Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo Mẫu số 08a ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) đảm bảo không vượt giá trị hợp đồng. Đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ Biên bản nghiệm thu để lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, trong đó tại cột nội dung công việc (cột số 2) kê khai số hóa đơn và ngày, tháng, năm của hóa đơn, tại cột thành tiền (cột số 6) kê khai số tiền tương ứng với giá trị của từng hóa đơn. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng và đơn giá, chủng loại thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư y tế sử dụng trong quá trình điều trị khám chữa bệnh đề nghị thanh toán, đảm bảo theo đúng quy định tại Hợp đồng; Thỏa thuận khung (trường hợp phải thực hiện mua sắm theo phương thức tập trung); Biên bản nghiệm thu giữa đơn vị sử dụng ngân sách và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.

2.3. Đối với kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và

người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội:

a) Đối với chi trợ cấp, phụ cấp cho người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội:

- Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách trực tiếp thanh toán cho đối tượng thụ hưởng:

+ Trường hợp chi trả cho đối tượng thụ hưởng bằng tiền mặt:

Hàng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán (tạm ứng) gửi Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng trên cơ sở đề nghị của đơn vị.

Sau khi chi trả cho đối tượng thụ hưởng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng để đề nghị thanh toán tạm ứng với Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước căn cứ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng do đơn vị gửi, thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này và theo đúng định mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Thông tư số 76/2021/TT-BTC); Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (Thông tư số 44/2022/TT-BTC).

Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện chi trả kịp thời, đúng chế độ, đúng đối tượng theo quy định.

+ Trường hợp chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo hình thức chuyển khoản:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát Chứng từ chuyển tiền; Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng (trường hợp chứng từ chuyển tiền của đơn vị sử dụng NSNN không thể hiện được hết nội dung chi, số lượng, định mức, đơn giá thực tế đối với những khoản chi có quy định định mức tại các văn bản quy phạm pháp luật) và Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này và theo đúng định mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Thông tư số 76/2021/TT-BTC và Thông tư số 44/2022/TT-BTC.

- Trường hợp thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.



+ Hằng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán (tạm ứng); Bảng kê chứng từ thanh toán/tạm ứng; Hợp đồng giữa đơn vị sử dụng ngân sách và tổ chức dịch vụ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước (Hợp đồng gửi lần đầu và gửi khi có bổ sung, điều chỉnh), Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này và theo đúng định mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Thông tư số 76/2021/TT-BTC và Thông tư số 44/2022/TT-BTC; thực hiện tạm ứng từ tài khoản dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách sang tài khoản của tổ chức dịch vụ chi trả theo đúng quy định tại hợp đồng dịch vụ giữa hai bên.

+ Trường hợp Tổ chức dịch vụ chi trả mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, khi rút kinh phí từ tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho đối tượng thụ hưởng: Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của Ủy nhiệm chi, trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi.

+ Hằng tháng, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm quyết toán với tổ chức dịch vụ chi trả về số tiền đã tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng, Bảng kê kinh phí đã chi trả cho đối tượng theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP (trường hợp áp dụng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thì đơn vị sử dụng ngân sách sửa tên biểu thành: Bảng kê kinh phí đã chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội) để Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán tạm ứng theo đúng định mức quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC, Thông tư số 76/2021/TT-BTC.

+ Tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm quản lý kinh phí và tổ chức thực hiện chi trả đủ số tiền trợ cấp, phụ cấp đến đối tượng thụ hưởng theo đúng thời gian quy định, chịu trách nhiệm bồi hoàn số tiền mất, thất thoát.

b) Đối với chi hỗ trợ cho các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì các công trình ghi công liệt sĩ; cơ sở vật chất cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công với cách mạng theo quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC:

Kho bạc Nhà nước căn cứ quyết định phân bổ (hỗ trợ vốn) của cấp có thẩm quyền theo phân cấp của địa phương, Giấy rút dự toán của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc cơ quan được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao dự toán) thực hiện chuyển tiền sang tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước. Khi chi từ tài khoản tiền gửi, Kho bạc Nhà nước kiểm soát theo quy định.

2.4. Đối với kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên:

a) Đối với kinh phí giao nhiệm vụ:

Kho bạc Nhà nước căn cứ Dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Quyết định của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập, Văn bản nghiệm thu nhiệm vụ được giao giữa cơ quan quản lý cấp trên và đơn vị sự nghiệp công lập để kiểm soát, trong đó lưu ý:

- Nội dung được giao nhiệm vụ thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu (theo Biểu 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ.

- Kinh phí giao nhiệm vụ kiểm soát như đối với nguồn kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ theo quy định tại tiết a điểm 5.1 khoản 5 Điều này và các quy định về tạm ứng, thanh toán; nghiệm thu nhiệm vụ được giao tại Quyết định của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN cho đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với kinh phí đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc:

- Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát đảm bảo: Sản phẩm, dịch vụ được đặt hàng thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu (theo Phụ lục số I và Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện theo phương thức đặt hàng; có đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành làm cơ sở để đặt hàng.

- Căn cứ phương thức thanh toán quy định tại Quyết định của cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (Quyết định đặt hàng); Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng vào tài khoản tiền gửi của đơn vị sự nghiệp công lập mở tại Kho bạc Nhà nước theo đúng mức tạm ứng quy định tại Quyết định đặt hàng. Khi chi từ tài khoản tiền gửi của đơn vị sự nghiệp công lập, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với: Quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền; định mức (mức chi) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

Khi thanh toán tạm ứng, Kho bạc Nhà nước căn cứ quy định về thanh toán, nghiệm thu tại Quyết định đặt hàng và biên bản nghiệm thu đặt hàng giữa cơ quan cấp trên và đơn vị sự nghiệp công lập (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) để kiểm soát theo đúng đơn giá, giá đặt hàng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp đơn vị đã tạm ứng vượt số lượng,

khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng được nghiệm thu, đơn vị phải thu hồi và nộp lại số tiền đã tạm ứng vượt so với số lượng, khối lượng đã được nghiệm thu.

c) Đối với kinh phí hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Kho bạc Nhà nước kiểm soát:

- Sản phẩm, dịch vụ đặt hàng thuộc danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu (Phụ lục số I và Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện theo phương thức đặt hàng;

- Kho bạc Nhà nước căn cứ quy định tại hợp đồng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) để kiểm soát theo đúng đơn giá, giá đặt hàng, mức trợ giá, giá tiêu thụ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

2.5. Đối với chi chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp:

Kho bạc Nhà nước căn cứ các hồ sơ kiểm soát chi theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP để kiểm soát đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều này và định mức quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSNN thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2.6. Đối với các khoản chi mà đơn vị sử dụng ngân sách ủy quyền cho Kho bạc Nhà nước thanh toán tự động theo định kỳ cho một số nhà cung cấp dịch vụ hoặc đơn vị được nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền thu hộ (như điện, nước, viễn thông):

Kho bạc Nhà nước căn cứ vào văn bản ủy quyền thanh toán của đơn vị sử dụng ngân sách cho Kho bạc Nhà nước và số dư tài khoản dự toán, tài khoản tiền gửi của đơn vị để định kỳ tự động thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ (điện/nước/viễn thông) theo đúng Bảng kê số tiền đơn vị sử dụng ngân sách phải thanh toán do các nhà cung cấp dịch vụ lập hoặc đơn vị được nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền thu hộ lập gửi Kho bạc Nhà nước; đồng thời, sau khi thanh toán, Kho

bạc Nhà nước gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán.

2.7. Đối với chi đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ở nước ngoài bằng NSNN:

Đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ trên cơ sở tổng số tiền tại danh sách chuyển kinh phí đào tạo cho lưu học sinh theo từng nước/trường, từng loại ngoại tệ và gửi đến Kho bạc Nhà nước kèm theo các hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP; danh sách chuyển kinh phí đào tạo cho lưu học sinh phải đầy đủ các nội dung sau: Họ và tên lưu học sinh; tên nước lưu học sinh đang theo học; nội dung chi; số tiền bằng ngoại tệ cho từng lưu học sinh; tên tài khoản người hưởng (tên cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc đơn vị cá nhân được hưởng); số tài khoản người hưởng; mã Swift code của ngân hàng người hưởng hoặc tên và địa chỉ đầy đủ của ngân hàng người hưởng; ngân hàng trung gian (nếu có); phí chuyển tiền; khác (nếu có).

Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ và tính chính xác của các nội dung trong danh sách chuyển kinh phí đào tạo cho lưu học sinh và các hồ sơ gửi đến Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định.

Kho bạc Nhà nước căn cứ Dự toán được giao, hồ sơ đơn vị gửi đến và các quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao hướng dẫn chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn NSNN (Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG), Thông tư liên tịch số 206/2010/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG để kiểm soát và làm thủ tục đề nghị Ngân hàng chuyển tiền từ tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước đến từng đối tượng học sinh.

2.8. Đối với chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN:

Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và quy định về kiểm soát, thanh toán tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 1 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.9. Đối với các khoản chi đoàn ra:

Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện kiểm soát, thanh toán cho đơn vị.

3. Đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước:

Kho bạc Nhà nước căn cứ vào nguồn hình thành và nội dung chi để thực hiện kiểm soát, thanh toán từ tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách:

3.1. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán từ tài khoản tiền gửi đối với các nguồn hình thành như sau:

a) Nguồn hình thành từ NSNN theo quy định:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và theo quy định tại Thông tư số 55/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Thông tư số 369/2017/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cấp kinh phí thường xuyên từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ chi quốc phòng của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng NSNN đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam (đối với lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhiệm vụ chi quốc phòng của Bộ Quốc phòng, các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam).

b) Nguồn hình thành từ nguồn thu phí được để lại cho đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và kiểm soát nội dung chi đúng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (Nghị định số 120/2016/NĐ-CP); Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn thu, nộp quản lý và sử dụng từng loại phí.

c) Nguồn hình thành từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, dịch vụ y tế dự phòng, học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4):

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

d) Nguồn hình thành từ nguồn kinh phí tiết kiệm được, được trích quỹ đối với cơ quan nhà nước:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, các nội dung được phép chi từ các quỹ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

đ) Tiền gửi có nguồn hình thành từ các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Riêng đối với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3.2. Đối với tiền gửi có nguồn hình thành không thuộc điểm a khoản 3 Điều này, Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Ủy nhiệm chi, trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP:

4.1. Các nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm 3.1 khoản 3 Điều này trong đó lưu ý:

a) Đối với kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: Kiểm soát đảm bảo theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định giao quyền tự chủ của cấp có thẩm quyền; chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1) và đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2): Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3): Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

b) Đối với kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ: Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 13, Điều 17, Điều 21 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và khoản 5 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

4.2. Đối với các nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trường hợp đơn vị sự nghiệp công đề nghị mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước không kiểm soát chi, thực hiện chi trả theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công. Đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và chi tiêu theo đúng quy định của pháp luật.

4.3. Đối với phân phối kết quả tài chính trong năm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi để đề nghị Kho bạc Nhà nước trích quỹ hoặc tạm trích quỹ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Kho bạc Nhà nước căn cứ đề nghị trích lập quỹ của đơn vị sự nghiệp công thực hiện trích quỹ và chuyển tiền sang tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại hoặc tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước của đơn vị sự nghiệp công theo đề nghị của đơn vị. Kho bạc Nhà nước không kiểm soát việc sử dụng các quỹ. Đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và chi tiêu theo đúng quy định của pháp luật.

Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công nhóm 4, đối với các khoản chi từ kinh phí tiết kiệm được, Kho bạc Nhà nước kiểm soát đảm bảo theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

5. Đối với cơ quan nhà nước:

5.1. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP:

a) Đối với kinh phí chi quản lý hành chính theo dự toán NSNN được cấp có thẩm quyền giao: Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm 3.1 khoản 3 Điều này, theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trong đó lưu ý:



- Đối với kinh phí NSNN giao thực hiện chế độ tự chủ:

+ Kho bạc Nhà nước kiểm soát kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ theo đúng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.

+ Kinh phí chi thường xuyên được để lại cho đơn vị đối với nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí (nếu có):

Căn cứ dự toán chi từ nguồn thu phí do cơ quan có thẩm quyền giao; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho đơn vị theo các nội dung chi quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

- Đối với kinh phí NSNN giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: Kho bạc Nhà nước kiểm soát nội dung chi theo đúng quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV và tiêu chuẩn, định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

b) Kiểm soát việc sử dụng kinh phí tiết kiệm được trong năm:

- Kho bạc Nhà nước kiểm soát việc sử dụng kinh phí tiết kiệm được theo đúng các nội dung quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.

- Đối với thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi, chi khen thưởng từ nguồn kinh phí tiết kiệm được, Kho bạc Nhà nước kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV.

- Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV. Đối với Quỹ dự phòng để ổn định thu nhập: Đơn vị sử dụng ngân sách lập Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi để đề nghị Kho bạc Nhà nước trích quỹ dự phòng để ổn định thu nhập. Kho bạc Nhà nước căn cứ đề nghị trích lập quỹ của đơn vị thực hiện trích quỹ và chuyển tiền sang tài khoản tiền gửi quỹ của đơn vị. Kho bạc Nhà nước kiểm soát việc sử dụng quỹ theo quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều này.

5.2. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo cơ chế tài chính đặc thù theo văn bản quy phạm pháp luật:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm 3.1 khoản 3 Điều này và các quy định về quản lý kinh phí hoạt động, về sử dụng kinh phí tiết kiệm được trong năm tại các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tài chính đặc thù cho cơ quan nhà nước đó.

6. Đối với các khoản chi theo hình thức lệnh chi tiền:

Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Điều 6. Tạm ứng và thanh toán tạm ứng

1. Tạm ứng áp dụng đối với khoản chi NSNN của đơn vị sử dụng ngân sách chưa có đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước.

2. Nội dung tạm ứng: Theo quy định của hợp đồng (đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng) và theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách (đối với trường hợp không có hợp đồng hoặc hợp đồng có giá trị không vượt quá 50 triệu đồng).

3. Mức tạm ứng:

3.1. Đối với những khoản chi có giá trị hợp đồng trên 50 triệu đồng, mức tạm ứng theo quy định tại hợp đồng đã ký kết của đơn vị sử dụng NSNN và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó, trừ trường hợp sau:

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu, thiết bị chuyên dùng do đơn vị sử dụng ngân sách phải nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (hoặc thông qua một đơn vị nhập khẩu ủy thác) phải mở thư tín dụng (L/C) tại ngân hàng và trong hợp đồng nhà cung cấp yêu cầu phải tạm ứng lớn hơn nhưng không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó.

b) Đối với các trường hợp đặc thù khác có hướng dẫn riêng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc tạm ứng được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo hợp đồng ký kết giữa đơn vị sử dụng ngân sách và nhà cung cấp và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3.2. Đối với những khoản chi không có hợp đồng và những khoản chi có giá trị hợp đồng không vượt quá 50 triệu đồng: Mức tạm ứng theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách và trong phạm vi dự toán được giao. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về mức đề nghị tạm ứng theo đúng quy định.

4. Thanh toán tạm ứng: Đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện thanh toán tạm ứng với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch cụ thể như sau:

4.1. Đối với các khoản chi không có hợp đồng hoặc khoản chi không phải gửi hợp đồng đến Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách phải thanh toán tạm ứng chậm nhất với Kho bạc Nhà nước vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp tháng tạm ứng (trừ khoản chi trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Thông tư số 44/2022/TT-BTC và Thông tư số 76/2021/TT-BTC).



4.2. Đối với các khoản chi phải gửi Hợp đồng đến Kho bạc Nhà nước (trường hợp hợp đồng có giá trị trên 50 triệu đồng), đơn vị sử dụng ngân sách thanh toán tạm ứng bắt đầu ngay từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên của Hợp đồng, mức thanh toán tạm ứng từng lần do đơn vị sử dụng ngân sách thống nhất với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và quy định cụ thể trong Hợp đồng, đảm bảo thanh toán hết tạm ứng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

4.3. Khi thanh toán tạm ứng, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm gửi đến Kho bạc Nhà nước Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng (đối với những khoản chi không có hợp đồng hoặc những khoản chi có hợp đồng với giá trị không quá 50 triệu đồng); Các hồ sơ, chứng từ tương ứng có liên quan theo quy định để Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán (trừ các hồ sơ đã gửi khi tạm ứng).

a) Trường hợp đủ điều kiện quy định, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách, cụ thể:

- Nếu số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số đã tạm ứng: Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát và chấp nhận thanh toán), Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (số tiền đã tạm ứng); đồng thời, đơn vị lập thêm Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi gửi Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho đơn vị số chênh lệch giữa số tiền Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán và số tiền đã tạm ứng.

- Nếu số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn số tiền đã tạm ứng: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát và chấp nhận thanh toán), Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (bằng số tiền Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán tạm ứng), số tiền chênh lệch sẽ được theo dõi để thu hồi hoặc thanh toán vào lần thanh toán sau.

- Nếu số tiền đề nghị thanh toán bằng số tiền đã tạm ứng: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán tạm ứng của đơn vị (đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát và chấp nhận thanh toán), Kho bạc Nhà nước làm thủ tục chuyển từ tạm ứng sang thanh toán (bằng số tiền Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán tạm ứng).

b) Tất cả các khoản đã tạm ứng (kể cả tạm ứng bằng tiền mặt và bằng chuyển khoản) đề chi theo dự toán NSNN đến hết thời gian chính lý quyết toán chưa đủ hồ sơ, thủ tục thanh toán được xử lý theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

5. Bảo lãnh tạm ứng:

Đối với các hợp đồng có thỏa thuận về bảo lãnh tạm ứng trong điều khoản của hợp đồng:



5.1. Trước khi Kho bạc Nhà nước thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho đơn vị sử dụng ngân sách để tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp, đơn vị sử dụng ngân sách gửi đến Kho bạc Nhà nước bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp đã có hiệu lực với giá trị không nhỏ hơn khoản tiền tạm ứng.

5.2. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa đơn vị sử dụng ngân sách và nhà thầu hoặc nhà cung cấp. Đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo và chịu trách nhiệm về giá trị của bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp không nhỏ hơn số dư tiền tạm ứng còn lại.

5.3. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi đơn vị sử dụng ngân sách thanh toán hết số tiền tạm ứng và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và trong văn bản bảo lãnh tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hết thời hạn nhưng đơn vị sử dụng ngân sách chưa thanh toán hết số tiền tạm ứng, đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm làm thủ tục gia hạn bảo lãnh tạm ứng và gửi Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ kiểm soát chi theo quy định. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm theo dõi về thời gian hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN TÀI CHÍNH, KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Điều 7. Trách nhiệm quyền hạn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan tài chính)

1. Đảm bảo tồn quỹ NSNN các cấp để đáp ứng các nhu cầu chi của NSNN theo quy định của Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn Luật. Trường hợp tồn quỹ ngân sách các cấp không đáp ứng đủ nhu cầu chi, cơ quan tài chính được quyền yêu cầu (bằng văn bản) gửi Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán một số khoản chi về mua sắm, sửa chữa theo từng nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo cân đối quỹ NSNN, nhưng không ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính được giao của đơn vị.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách, trường hợp phát hiện các khoản chi vượt nguồn cho phép, không đúng chế độ quy định hoặc đơn vị không chấp hành chế độ báo cáo, thì có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán.

3. Chịu trách nhiệm nhập dự toán chi ngân sách vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (sau đây gọi tắt là TABMIS) và phê duyệt TABMIS theo quy định về hướng dẫn quản lý điều hành NSNN trong điều kiện áp dụng hệ thống TABMIS.

4. Đối với những khoản chi do cơ quan tài chính quyết định chi bằng hình thức “lệnh chi tiền”: Cơ quan tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước

1. Chấp hành đúng các quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP, trường hợp bất khả kháng do sự cố hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân khách quan khác, thì được kéo dài thời hạn giải quyết thủ tục hành chính, nhưng phải có thông báo rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cuối cùng cho đơn vị.

2. Tham gia với cơ quan tài chính, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra tình hình sử dụng ngân sách; xác nhận số thực chi, số tạm ứng, số dư kinh phí cuối năm ngân sách của các đơn vị sử dụng ngân sách tại Kho bạc Nhà nước.

3. Thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định tại Điều 2 và Điều 5 Thông tư này. Trường hợp không đảm bảo theo quy định, Kho bạc Nhà nước thực hiện từ chối thanh toán đồng thời gửi Thông báo bằng văn bản đến đơn vị (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về chứng từ chi và các hồ sơ kèm theo chứng từ chi không thuộc thủ tục hành chính gửi Kho bạc nhà nước được quy định tại các Nghị định của Chính phủ.

4. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tạm dừng thanh toán theo yêu cầu của cơ quan tài chính (bằng văn bản) đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

5. Thường xuyên đôn đốc các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng sau khi phát hiện các khoản tạm ứng đã quá hạn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

6. Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán theo quy trình nghiệp vụ, thanh toán kịp thời, đầy đủ, thuận tiện cho đơn vị sử dụng ngân sách, đảm bảo đơn giản thủ tục hành chính và quản lý chặt chẽ vốn NSNN.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị sử dụng ngân sách

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình quản lý, sử dụng kinh phí NSNN cấp và quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

2. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp theo quy định của pháp luật đối với chứng từ chuyển tiền và các hồ sơ kèm theo chứng từ chuyển tiền thuộc thủ tục hành chính gửi Kho bạc nhà nước được



quy định tại các Nghị định của Chính phủ; đồng thời chịu trách nhiệm nghiệm thu khối lượng mua sắm, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với chứng từ chuyển tiền và các mẫu biểu ban hành kèm theo thuộc các thủ tục hành chính quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm kê khai đảm bảo khớp đúng giữa chi tiết và tổng số; Đối với các khoản chi được kê khai trên Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của các chỉ tiêu: Tên đối tượng thụ hưởng, tài khoản ngân hàng, xác định số tiền thực nhận cho từng đối tượng thụ hưởng sau khi đã trích trừ các khoản phải khấu trừ vào lương, đảm bảo đúng mức lương, phụ cấp, các khoản phải khấu trừ vào lương theo đúng quy định.

4. Đối với chi mua sắm:

4.1. Trường hợp không thực hiện mua sắm theo phương thức tập trung: Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, chủng loại, đơn giá đã thực hiện mua sắm, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do cấp có thẩm quyền ban hành (đối với máy móc, thiết bị, ô tô chuyên dùng).

4.2. Trường hợp tài sản, hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung: Đơn vị mua sắm tập trung và đơn vị sử dụng tài sản chịu trách nhiệm mua sắm tập trung theo đúng danh mục và quy trình, thủ tục mua sắm theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, chủng loại, đơn giá đã thực hiện mua sắm, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do cấp có thẩm quyền ban hành (đối với máy móc, thiết bị, ô tô chuyên dùng) và đảm bảo hợp đồng mua sắm tài sản phù hợp với thỏa thuận khung (trường hợp mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung).

5. Đối với kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và quy định của các pháp luật hiện hành khác.

6. Chịu trách nhiệm đảm bảo tính pháp lý, đầy đủ, chính xác và trung thực đối với hồ sơ, chứng từ điện tử và chữ ký số trên hồ sơ kiểm soát chi gửi Kho bạc Nhà nước qua Trang thông tin dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 05 năm 2024.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Thông tư này thay thế Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và cấp dưới tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Tài chính, Ngân sách;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (240 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-KB...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHI SAU KHI THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC “thanh toán trước, kiểm soát sau”

Sau khi kiểm soát, Kho bạc Nhà nước..... thông báo kết quả kiểm soát chi như sau:

Kho bạc Nhà nước đã thanh toán số tiền.....(số tiền bằng chữ) cho khoản chi.....tại chứng từ số..... ngày tháng năm theo hình thức “thanh toán trước, kiểm soát sau”. Sau khi kiểm soát sau, Kho bạc Nhà nước.....phát hiện khoản chi chưa đúng quy định, Kho bạc Nhà nước.... đề nghị:

Giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kế tiếp, số tiền: (số tiền bằng chữ).

Lý do:

Thu hồi nộp NSNN số tiền:.....(số tiền bằng chữ.....).

Lý do:

Kho bạc Nhà nước xin thông báo cho đơn vị biết để có biện pháp xử lý./.

Nơi nhận:

- Đơn vị...;
- Lưu: VT, viết tắt đơn vị soạn thảo (...bản).

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-KB...

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc từ chối thanh toán

Sau khi kiểm soát chi, Kho bạc Nhà nướcthông báo kết quả kiểm soát chi như sau:

Kho bạc Nhà nước từ chối khoản chi.....tại chứng từ số.....ngày.....tháng.....năm.....

Số tiền:

Số tiền bằng chữ:

Lý do:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Kho bạc Nhà nước xin thông báo cho đơn vị biết để có biện pháp xử lý./.

Nơi nhận:

- Đơn vị...;
- Lưu: VT, viết tắt đơn vị soạn thảo (...bản).

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)